

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 489/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 720/BC-STP ngày 06 tháng 3 năm 2026, ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 306/TB-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Kết luận số 330-KL ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

1. Có văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế (đối với trường hợp không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải trồng rừng thay thế) hoặc có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật lâm nghiệp.

2. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ về tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì tiếp tục giải quyết theo quy định tại Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29. tháng 4. năm 2026.

2. Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*anh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ PC - Bộ NNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP TH, NN, XD;
- Phòng NNMT;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, N₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh
Nguyễn Tuấn Thanh